

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Nâng cao năng suất lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”;

Căn cứ Quyết định số 1305/QĐ-TTg ngày 08/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 23/9/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 72-KH/TU ngày 19/4/2026 của Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

Căn cứ Chương trình hành động số 04/CTr-UBND ngày 20/4/2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 543/TTr-SNV ngày 24/4/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao năng suất lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Nâng cao năng suất lao động trở thành động lực quan trọng hàng đầu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh; khai thác hiệu quả các cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số.

b) Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nguồn nhân lực; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và quản trị.

c) Thu hẹp dần khoảng cách về năng suất lao động giữa khu vực doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, giữa các vùng, khu vực trong tỉnh; nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp địa phương, hiệu quả sử dụng

nguồn lực, trình độ công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt tại các khu vực còn khó khăn; qua đó thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, tăng cường khả năng liên kết và nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu, hướng tới phát triển cân bằng và bền vững.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai kế hoạch phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

b) Lấy nâng cao năng suất lao động làm chỉ tiêu quan trọng trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của các sở, ngành, địa phương; bảo đảm có giải pháp cụ thể, khả thi để thực hiện.

c) Các nhiệm vụ, giải pháp phải có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; ưu tiên các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và khả năng lan tỏa cao.

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

đ) Các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương và của tỉnh liên quan đến nâng cao năng suất lao động, bảo đảm bám sát định hướng, quan điểm chỉ đạo của Trung ương; sáng tạo, linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, đưa năng suất lao động trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng nhanh, bền vững; tận dụng hiệu quả cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trong đó, tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; tăng cường liên kết, hợp tác phát triển vùng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Năng suất lao động theo giá hiện hành đạt từ 437 triệu đồng/lao động trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hằng năm theo giá so sánh đạt từ 9% trở lên, trong đó tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của khu vực kinh tế tư nhân đạt từ 8,5-9,5%.

b) Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt trên 55%.

c) **Chất lượng nhân lực:**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 38% trở lên.
- Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.
- Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đạt 50%.

d) **Cơ cấu lao động:** Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 15,73%.

đ) **Chỉ số số hóa:** Phần đầu nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về chỉ số chuyển đổi số (DTI).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

3. Tầm nhìn đến năm 2035

Đến năm 2035, Thái Nguyên phấn đấu trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về năng suất lao động, dựa trên nền tảng kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sâu rộng. Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa Nhà nước - doanh nghiệp - cơ sở đào tạo. Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp có năng lực quản trị hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu, đào tạo và y tế chất lượng cao của cả nước; nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu hội nhập. Chủ động tham gia sâu vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu, phát huy vai trò trung tâm kinh tế của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Hướng tới phát triển xanh, thông minh, giàu bản sắc văn hóa, là nơi đáng sống, đáng đến, an toàn và thịnh vượng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Ổn định kinh tế và cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

a) Tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; chủ động theo dõi, phân tích, dự báo tình hình để kịp thời tham mưu điều hành phù hợp, góp phần ổn định kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng suất lao động. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

b) Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số trên địa bàn.

c) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, ưu tiên các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn; đồng thời phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như logistics, thương mại điện tử, du lịch.

d) Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong giáo dục, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực

a) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới, các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và năng suất lao động cao; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với điều kiện của tỉnh.

b) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng.

c) Đẩy mạnh thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án công nghệ cao, dự án có giá trị gia tăng lớn; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý.

d) Thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; nâng cao năng lực, hiệu quả xúc tiến đầu tư.

đ) Khuyến khích xã hội hóa nguồn lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng sản xuất, đa dạng hóa thị trường, xây dựng thương hiệu, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

e) Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho giáo dục, đào tạo nghề, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp trên địa bàn.

3. Thúc đẩy các giải pháp, sáng kiến; gắn nâng cao năng suất lao động với các phong trào thi đua

a) Lựa chọn một số ngành, lĩnh vực, địa phương để triển khai thí điểm các mô hình nâng cao năng suất lao động; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng trên toàn tỉnh.

b) Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách, hội nghị, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm về nâng cao năng suất lao động; tăng cường trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người lao động.

c) Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông về năng suất lao động; phổ biến kiến thức, kinh nghiệm cải tiến năng suất; phát hiện, tôn vinh và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

d) Các ngành, đơn vị, địa phương thực hiện thúc đẩy nâng cao năng suất lao động trong sản xuất, kinh doanh và trong phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, địa phương, đơn vị gắn với các phong trào thi đua của tỉnh.

4. Nâng cao chất lượng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh theo hướng linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập; chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động; hiện đại hóa và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu lao động, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số.

b) Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Huy động nguồn lực đầu tư, củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động gắn với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và hội nhập trong bối cảnh mới; thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số và người dân tại các vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp.

c) Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động khu vực công; xây dựng và thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút, phát triển nhân tài, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và chuyên gia, trí thức trẻ.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương, bảo đảm đồng bộ giữa khu vực công và khu vực doanh nghiệp; khu vực doanh nghiệp thực hiện cơ chế tiền lương theo nguyên tắc thị trường, khuyến khích trả lương gắn với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và mức độ đóng góp của người lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

5. Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

b) Thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường.

c) Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng số, phát triển Thái Nguyên thành trung tâm chuyển đổi số của vùng

d) Tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực và trong cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

đ) Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động.

6. Cơ cấu lại không gian kinh tế và phát triển các ngành, lĩnh vực chủ lực

a) Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển với các địa phương trong vùng; phát huy lợi thế của tỉnh trong chuỗi liên kết vùng nhằm nâng cao năng suất lao động.

b) Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng an toàn sinh học, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số, gắn với liên kết sản xuất, du lịch nông nghiệp (sinh thái, trải nghiệm, cộng đồng) và gia tăng giá trị sản phẩm. Thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; phát triển thị trường tín chỉ các-bon gắn với bảo vệ và phát triển rừng. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, đặc biệt đối với các xã phía Bắc của tỉnh; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa, chỉnh trang khu vực nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng, môi trường sống nông thôn.

c) Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại; hình thành và phát triển các cụm liên kết ngành, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp.

d) Phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành dịch vụ như thương mại, du lịch dịch vụ chất lượng cao, logistics.

đ) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá năng suất lao động trên địa bàn tỉnh gắn với chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

7. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

a) Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao sức khỏe người dân về thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng hiệu quả và năng suất lao động trên địa bàn tỉnh.

b) Phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, xã hội hóa đầu tư một số bệnh viện với dịch vụ chất lượng cao. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch bệnh. Nhằm duy trì lực lượng lao động khỏe mạnh, ổn định, hạn chế gián đoạn sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có phẩm chất, năng lực tốt, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới. Có cơ chế thu hút nhân lực y tế có trình độ chuyên sâu về công tác lâu dài tại địa phương, đặc biệt là tại y tế cấp cơ sở, vùng khó khăn. Bảo đảm người lao động được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe kịp thời, hiệu quả, qua đó cải thiện thể lực, trí lực và năng suất lao động của lực lượng lao động toàn tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ các nguồn gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp và nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường

a) Căn cứ nội dung Kế hoạch này, kịp thời chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương, đồng thời bố trí, bảo đảm các nguồn lực cần thiết để triển khai hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo “6 rõ” (*rõ người - rõ việc - rõ thời gian - rõ trách nhiệm - rõ sản phẩm - rõ thẩm quyền*) nhằm đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thường xuyên trao đổi, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động để chia sẻ thực tiễn tốt, tìm hiểu khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách tăng năng suất lao động, để có giải pháp hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời.

c) Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 12 và đột xuất khi được yêu cầu (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì tham mưu đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách chế độ công vụ, công chức gắn với nâng cao năng suất lao động. Tiếp tục rà soát, tham mưu hoàn thiện mô hình tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị; chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị; gắn sắp xếp tổ chức bộ máy với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

b) Đổi mới công tác quản lý, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng định lượng, gắn với kết quả đầu ra và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Tham mưu triển khai các chính sách nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu phát triển.

c) Tăng cường theo dõi, đánh giá chỉ số cải cách hành chính, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Phối hợp thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

d) Chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hội nhập; chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động; hiện đại hóa và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu lao động, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

đ) Triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện thúc đẩy nâng cao năng suất lao động gắn với các phong trào thi đua yêu nước tỉnh Thái Nguyên góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số. Lấy kết quả năng suất lao động để làm căn cứ xét khen thưởng theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp triển khai chính sách cải cách tiền lương theo quy định; khuyến khích doanh nghiệp trả lương gắn với năng suất lao động, hiệu quả và mức độ đóng góp của người lao động.

g) Chủ trì theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các sở, ngành, địa phương; đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về nâng cao năng suất lao động gắn với cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

h) Chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp đối với chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động qua đào tạo” tại điểm c, chỉ tiêu “Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản” tại điểm d mục 2 phần II Kế hoạch này.

i) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; tham mưu sơ kết, tổng kết và đề xuất khen thưởng, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh trong công tác điều hành, phát triển kinh tế - xã hội; theo dõi, phân tích tình hình kinh tế, đề xuất các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô trên địa bàn, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn và nâng cao năng suất lao động.

b) Theo dõi, đôn đốc việc triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, kịch bản tăng trưởng kinh tế của tỉnh; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện, lồng ghép các chỉ tiêu về năng suất lao động trong đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội.

c) Triển khai các nhiệm vụ về cơ cấu lại nền kinh tế; chủ trì tham mưu triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; tăng cường liên kết vùng; tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của tỉnh; tham mưu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế địa phương.

d) Thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào các ngành, lĩnh vực có công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, quản trị hiện đại; tăng cường kết nối chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, thúc đẩy tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

đ) Trên cơ sở đề nghị của các sở, ngành, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

e) Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả.

g) Phối hợp với Thống kê tỉnh theo dõi, đánh giá đối với chỉ tiêu về năng suất lao động tại điểm a, mục 2, phần II Kế hoạch này.

h) Chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp đối với chỉ tiêu “Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP” tại điểm b, mục 2, phần II Kế hoạch này.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì tham mưu triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; các nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy đổi mới phương thức dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Đa dạng hóa hình thức đào tạo, phát triển giáo dục trực tuyến, xây dựng và khai thác hiệu quả kho học liệu số dùng chung; từng bước thí điểm các mô hình giáo dục tiên tiến trên nền tảng số.

d) Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất lao động.

đ) Chủ trì rà soát, sắp xếp hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả; hình thành các cơ sở đào tạo chất lượng cao, có vai trò dẫn dắt.

e) Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, thúc đẩy mô hình đào tạo gắn với thực tiễn sản xuất, góp phần nâng cao kỹ năng nghề và khả năng thích ứng của người lao động.

g) Chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp đối với chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ”, “Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin”, “Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động” tại điểm c, mục 2, phần II Kế hoạch này.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; lồng ghép mục tiêu nâng cao năng suất lao động vào các chương trình, đề án của tỉnh.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c) Tiếp tục tham mưu triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch nâng cao năng suất tổng thể dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030 nhằm nâng cao năng suất lao động; xây dựng, nhân rộng các mô hình doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp chuyển đổi số.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết viện - trường - doanh nghiệp; hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học.

đ) Chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp đối với chỉ tiêu “Chỉ số số hóa” tại điểm đ, mục 2, phần II Kế hoạch này.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì tham mưu triển khai các chính sách cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất - kinh doanh; đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển thị trường tín chỉ các-bon, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giá trị gia tăng trên một đơn vị lao động.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ tự động hóa để xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới.

c) Tập trung nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn hóa sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất và giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ. Đồng thời, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, góp phần phát triển bền vững và nâng cao năng suất lao động khu vực nông nghiệp.

d) Thực hiện các Đề án đột phá, giải pháp ưu tiên tại Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030.

7. Sở Công Thương

a) Chủ trì tham mưu phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao; nâng cao năng suất lao động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.

b) Triển khai cơ cấu lại ngành công thương; phát triển các cụm liên kết ngành, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ gắn với chuỗi sản xuất của doanh nghiệp FDI.

c) Chủ trì phát triển hệ thống logistics, hạ tầng thương mại, chuỗi cung ứng; nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa, giảm chi phí trung gian, góp phần nâng cao năng suất lao động.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử, chuyển đổi số trong phân phối và xuất khẩu; mở rộng thị trường, tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương định hướng nội dung tuyên truyền về nâng cao năng suất lao động gắn với xây dựng đời sống văn hóa, con người Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

9. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xây dựng, đặc biệt là hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại; tăng cường kết nối nội tỉnh và liên kết vùng với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong khu vực.

b) Tập trung triển khai các dự án giao thông trọng điểm, các trục logistics, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, qua đó tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, giảm chi phí sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ. Góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải thiện năng suất lao động trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Y tế

a) Chủ trì triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển hệ thống y tế tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ, bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tập trung nâng cao sức khỏe người dân toàn diện; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong; qua đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm thời gian gián đoạn lao động, góp phần tăng năng suất lao động.

c) Phát triển dịch vụ y tế chất lượng cao, đẩy mạnh xã hội hóa; nâng cao năng lực y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm duy trì lực lượng lao động ổn định phục vụ sản xuất.

d) Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế chất lượng cao; thu hút, đào tạo nhân lực chuyên sâu, nhất là tuyến cơ sở; nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần cải thiện thể lực, trí lực người lao động.

đ) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong y tế; nâng cao hiệu quả quản lý, khám chữa bệnh và khả năng tiếp cận dịch vụ, qua đó hỗ trợ nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống.

11. Sở Tư pháp

a) Chủ trì rà soát, tham mưu hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh liên quan đến nâng cao năng suất lao động; bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân.

b) Tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra văn bản, kiểm soát thủ tục hành chính, góp phần giảm chi phí tuân thủ.

c) Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức pháp lý cho doanh nghiệp và người lao động, hỗ trợ cải thiện hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

12. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng suất lao động gắn với giảm nghèo bền vững và phát triển sinh kế.

b) Tăng cường tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động phát triển sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ.

c) Phối hợp thực hiện các giải pháp đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm, thu hẹp khoảng cách năng suất lao động giữa các vùng, khu vực trong tỉnh.

13. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Đẩy mạnh các dự án đầu tư xây dựng và hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp theo hướng hiện đại, thông minh, xanh và bền vững; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ số, công nghiệp hỗ trợ và các ngành có giá trị gia tăng lớn.

b) Tăng cường xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.

c) Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong khu công nghiệp với doanh nghiệp trong nước, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, chuyên giao công nghệ, từ đó góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

14. Thống kê tỉnh

a) Định kỳ hằng Quý, 6 tháng, năm rà soát, tính toán và cung cấp số liệu về “Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản” gửi Sở Nội vụ phục vụ công tác đánh giá, tổng hợp; “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” gửi Sở Giáo dục và Đào tạo phục vụ công tác đánh giá, tổng hợp.

b) Chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp đối với chỉ tiêu “Năng suất lao động” tại điểm a mục 2, phần II Kế hoạch này.

15. Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên

a) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng và triển khai chương trình truyền thông về nâng cao năng suất lao động trên địa bàn tỉnh; bảo đảm nội dung tuyên truyền bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

b) Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền trên các loại hình báo chí (báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, nền tảng số); tăng cường ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông, mở rộng phạm vi tiếp cận đến doanh nghiệp và người lao động.

c) Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, chương trình chuyên đề về cải tiến năng suất lao động, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; kịp thời phản ánh các mô hình hay, cách làm hiệu quả, điển hình tiên tiến trong nâng cao năng suất lao động.

d) Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức cho cán bộ, doanh nghiệp và người dân về vai trò của năng suất lao động đối với phát triển kinh tế - xã hội; góp phần hình thành văn hóa năng suất trong toàn xã hội.

đ) Chủ động nắm bắt dư luận xã hội, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch; đề xuất, kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền.

16. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch nâng cao năng suất lao động phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, gắn với các nội dung của Kế hoạch.

b) Bố trí nguồn lực hợp pháp để thực hiện; lồng ghép với các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về vai trò của năng suất lao động.

d) Xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên phù hợp với điều kiện thực tế; thường xuyên theo dõi, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

17. Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

a) Chủ động phối hợp với các sở, ngành triển khai tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho hội viên, doanh nghiệp về vai trò của năng suất lao động; vận động hội viên đổi mới quản trị, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; tăng cường kết nối, chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

b) Phát động phong trào thi đua nâng cao năng suất lao động, khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo trong doanh nghiệp; tạo điều kiện để người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; kịp thời biểu dương, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Đẩy mạnh tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân về tầm quan trọng, vai trò, ý nghĩa của năng suất lao động đối với sự phát triển của bản thân, doanh nghiệp và đất nước; phát động các phong trào thi đua lao động sáng tạo, cải tiến kỹ thuật; tăng cường giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến quyền lợi, môi trường làm việc của người lao động; tham gia xây dựng và phản biện các chính sách phát triển kinh tế, đặc biệt là các chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao năng suất lao động; kịp thời kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao năng suất lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035; các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét điều chỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TH, KGVX.

Hatt/KH07

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Lượng

Phụ lục
CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
1	Năng suất lao động theo giá hiện hành	Triệu đồng/lao động	≥ 437	Thống kê tỉnh	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các xã, phường
-	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hàng năm theo giá so sánh	%	≥ 9		
-	Trong đó: Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của khu vực kinh tế tư nhân	%	8,5-9,5		
2	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%	> 55	Sở Tài chính	Thống kê tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các xã, phường
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	>75	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các xã, phường
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	≥ 38	1. Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao. 2. Thống kê tỉnh đầu mỗi thống kê.	Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các xã, phường
	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	90	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các xã, phường
	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	50	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các xã, phường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
4	Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	15,73	1. Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao. 2. Thống kê tỉnh đầu mối thống kê.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các xã, phường
5	Chỉ số chuyển đổi số (DTI)	Điểm số	Phấn đấu nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh; Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các xã, phường